TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2025 /HC-PT
Ngày 19 - 6 - 2025
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán : Ông Đặng Kim Nhân;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tú Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 147/2025/TLPT-HC ngày 31 tháng 03 năm 2025 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 159/2024/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1628/2025/QĐPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:
1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Khắc K, sinh năm: 1955. Địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn S, Văn phòng L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Lô S đường N, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
2. Người bị kiện:
2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.
Địa chỉ: Số G H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Vắng mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:
+ Ông Phạm Thế M - Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố T.

Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.
+ Ông Lê Văn T - Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ. Vắng mặt.
+ Ông Trương Thanh K1 - Chủ tịch UBND xã T, thành phố T. Vắng mặt.
+ Bà Nguyễn Hồng N - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Vắng mặt.
2. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.
Địa chỉ: Số F H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thái B - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Q. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.
Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường S - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q. Có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Ông Võ Tấn L, sinh năm 1963;
3.2. Ông Trần Chánh H1, sinh năm 1967;
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Đều vắng mặt.
3.3. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1959;
3.4. Ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1980;
3.5. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1983;
3.6. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1992;
3.7. Ông Nguyễn Thành V1, sinh năm 1994;
Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt bà C, chị V, anh V1 tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020 và trình bày của người khởi kiện ông Nguyễn Khắc K tại Toà án có nội dung:

Năm 2017, khi có chủ trương của tỉnh Quảng Nam triển khai các dự án kinh tế, văn hóa các xã phía đông thành phố T trong đó có xã T. Biết được thông tin này và nhờ có cán bộ xã hướng dẫn nên ông Võ Tấn L và ông Trần Chánh H1 bắt đầu tranh chấp cây dương liễu và cây bạch đàn của gia đình ông K. Cụ thể: ông Trần Chánh H1 tranh chấp với ông Ngyễn Khắc K2 52 cây dương liễu trên đất diện tích 340,4m^2 , thuộc thửa đất 201, tờ bản đồ số 12, theo mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018. Ông Ngyễn Khắc K2 tranh chấp với ông Võ Tấn L khoảng 250 cây (20 cây keo và 230 cây dương liễu) trên diện tích 1.670m^2 tại thửa đất số 196, mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018. Các diện tích này nằm trong toàn bộ diện tích 2.944m^2 có nguồn gốc đất của ông bà nội ông K2 là (ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1) để lại cho cha ông là ông Nguyễn Lương N1 (liệt sỹ) và vợ, con trong gia đình quản lý, sử dụng sau khi ông bà nội của ông K2 qua đời. Khu đất này trước giải phóng ngoài diện tích làm nhà ở, các công trình khác, diện tích còn lại trong vườn trồng cây dương liễu để chống gió, sóng biển vừa là cơ sở hoạt động cách mạng, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ địa

phương và bộ đội trong thời kỳ chống Mỹ. Hiện nay, trên đất còn một hố bom và 03 ngôi mộ của ông nội, mẹ và em ông K2.

Mục đích ông Võ Tấn L và ông Trần Chánh H1 tranh chấp cây trên đất đó là nếu được chính quyền địa phương công nhận về cây trồng sẽ gắn liền với việc công nhận quyền sử dụng đất của ông L và ông H1; đồng thời vừa cản trở việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông K2 mà từ trước đến nay ông K2 nộp đơn đăng ký UBND xã không giải quyết và trả lại đơn. Đến năm 2017, UBND xã T mới đồng ý nhận đơn và tiến hành đo đạc diện tích đất ông đang sử dụng, có những hộ liền kề tứ cận đều ký xác nhận không tranh chấp.

Ngày 24/5/2017, UBND xã T lập biên bản giải quyết tranh chấp đất đai không thành nên ông H1 và ông L khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố T để giải quyết vụ việc (các đơn của ông L ngày 06/7/2017; ông H1 ngày 03/7/2017 và ông K2 ngày 28/7/2017 đều thể hiện là tranh chấp đất đai).

Ngày 31/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 6482/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Chánh H1 với ông Nguyễn Khắc K có nội dung: không công nhận nội dung đơn tranh chấp đất đai đối với diện tích 340,4m^2 đất đang tranh chấp tại thửa đất số 201, mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018, vì ông Trần Chánh H1 trồng cây theo chương trình trồng cây chắn gió chắn cát ven biển do UBND xã T phát động, không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất của mình, ông Nguyễn Khắc K thì không tác động đến diện tích đất này từ năm 1977. Đồng thời theo hồ sơ địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì diện tích đất này là đất công ích, giao cho UBND xã T đưa diện tích đất nêu trên vào quản lý chặt chẽ theo diện đất công ích.

Cùng ngày 31/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 6483/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ Tấn L với ông Nguyễn Khắc K có nội dung: không công nhận nội dung đơn tranh chấp đất đai đối với diện tích 1.670,1m^2 đất đang tranh chấp tại thửa đất số 196, mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018, ông Võ Tấn L thừa nhận cây trên đất là ông L trồng còn đất là do UBND xã T, ông Nguyễn Khắc K thì không tác động đến diện tích đất này từ năm 1997. Đồng thời theo hồ sơ địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì diện tích đất này là đất công ích, giao cho UBND xã T đưa diện tích đất nêu trên vào quản lý chặt chẽ theo diện đất công ích; Không đồng ý với kết quả giải quyết của 02 Quyết định 6483/QĐ-UBND và 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T nên ngày 28/11/2018, ông K khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Ngày 05/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành 02 Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 2822/QĐ-UBND và số 2821/QĐ-UBND có nội dung: không chấp nhận nội dung đơn ngày 28/11/2018 của ông Nguyễn Khắc K khiếu nại Quyết định 6483/QĐ-UBND và Quyết định 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND thành phố T; giữ nguyên nội dung Quyết định 6483/QĐ-UBND và Quyết

định 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND thành phố T đối với ông Nguyễn Khắc K; giao UBND thành phố T triển khai thực hiện Quyết định 6483/QĐ-UBND và Quyết định 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND thành phố T về giải quyết tranh chấp đất đai đối với ông Nguyễn Khắc K.

Ông K không đồng ý các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 2822/QĐ-UBND và số 2821/QĐ-UBND nêu trên, vì ông K cho rằng trong phần thẩm tra, xác minh, kết luận các quyết định của UBND thành phố T xác định toàn bộ diện tích đất có trồng cây của ông L1, ông H1 nằm trong diện tích đất ông tranh chấp gắn liền với cây đang trồng là đất công ích; còn UBND tỉnh Q xác định cây đang tranh chấp là của ông Võ Tấn L và ông Trần Chánh H1 nhưng đồng thời căn cứ Nghị định 64/CP thì sổ Địa chính và sổ Mục kê được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998 xác định diện tích đất ông Nguyễn Khắc K đang tranh chấp với ông Võ Tấn L thuộc loại đất RST do UBND xã T là mâu thuẫn, không đúng với thực trạng đang sử dụng đất của gia đình ông. Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh Q không công nhận đất cho gia đình ông, mà xác định thuộc đất công ích là không đúng, vì thực tế gia đình ông sử dụng đất từ trước năm 1975, là cơ sở hoạt động cách mạng và hiện này vẫn đang sử dụng để trồng cây. Vì vậy, ông K khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T *"Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Chánh H1 với ông Nguyễn Khắc K"* ; Hủy Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q *"Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khắc K"*;
- Hủy Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T *"Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ Tấn L với ông Nguyễn Khắc K"* ; Huỷ Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q *"Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Khắc K"*;

Ủy ban nhân dân thành phố T *trình bày:*

Năm 2018, UBND thành phố nhận được đơn của ông Trần Chánh H1 tranh chấp quyền sử dụng 340,4m^2 đất thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 12 (theo mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5 năm 2018) với ông Nguyễn Khắc K và đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Nguyễn Khắc K với ông Võ Tấn L đối với diện tích 1670,1m^2 đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 12 (theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5 năm 2018).

Qua kiểm tra hồ sơ 64/CP thì vị trí đất các hộ dân có tranh chấp nêu trên thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2 đất RTS; Theo Sổ địa chính được duyệt ngày 01/4/1998 thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11 diện tích 26.004m^2 đất RTS, chủ sử dụng ghi đất công ích; Qua làm việc giải quyết với các bên tranh chấp thì các hộ dân đều không xuất trình được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và không xuất trình được chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của người sử dụng đất.

Từ kết quả xác minh nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì diện tích đất công ích không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, UBND thành phố ban hành Quyết định số 6482/QĐ-UBND ngày 21/10/2018 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Trần Chánh H1 và ông Nguyễn Khắc K; Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 21/10/2018 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ Tấn L và ông Nguyễn Khắc K cùng trú tại xã T là đảm bảo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh Q *trình bày:*

Ông Nguyễn Khắc K tranh chấp diện tích đất 1.670,1m^2 tại thôn H (nay là thôn H), xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam với ông Võ Tấn L. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết tại Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 không công nhận nội dung đơn tranh chấp đất đai đối với diện tích 1.670,1m^2 đất đang tranh chấp tại thửa 196, mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018, nhưng ông K không đồng ý và tiếp tục gửi đơn đến Chủ tịch UBND tỉnh Q. Ngày 03/01/2019, UBND tỉnh Q có Thông báo số 01/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết lần hai và giao Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông K tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2019. Tổ xác minh của Sở T đã tiến hành làm việc với các bên tranh chấp, UBND xã T và các đơn vị của UBND thành phố T, kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp và tiến hành tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp.

Trên cơ sở kết quả xác minh của Sở T, ý kiến của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 với nội dung không chấp nhận nội dung đơn ngày 28/11/2018 của ông Nguyễn Khắc K khiếu nại Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố. Ông Nguyễn Khắc K khiếu nại Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Võ Tấn L với ông Nguyễn Khắc K là không có cơ sở để xem xét giải quyết, bởi vì: Từ trước năm 1977 đến nay, gia đình ông K không quản lý sử dụng, không kê khai đăng ký. Phần diện tích đất này từ thời điểm năm 1978 ông Võ Q là cha ông Võ Tấn L sử dụng để trồng cây, đến khoảng năm 2005 ông Võ Q mất thì ông Võ Tấn L tiếp tục quản lý, sử dụng; đến năm 1998 khi thực hiện kê khai, đăng ký theo Nghị định số 64/CP (sổ Địa chính, sổ Mục kê được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998): Diện tích đất mà ông K đang tranh chấp với ông L thuộc một phần diện tích của thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2, loại đất RST, do UBND xã T.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2017 giữa ông Nguyễn Khắc K và ông Võ Tấn L thì ông K khẳng định cây là của ông L, nhưng đất là của ông K. Từ trước đến nay gia đình ông K không kê khai đăng ký, không quản lý sử dụng. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh khẳng định Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung không chấp nhận đơn của ông

Nguyễn Khắc K là đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh Q có văn bản trình bày:

Vụ việc tranh chấp của ông Nguyễn Khắc K đã được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết tại Quyết định số 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 nhưng ông Nguyễn Khắc K không đồng ý và tiếp tục gửi đơn tranh chấp đến UBND tỉnh Q. Ngày 03/01/2019, UBDN tỉnh có Thong báo số 01/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết lần hai và giao Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Khắc K tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03/01/2019. Ngày 11/01/2019 Sở T ban hành Quyết định số 18/QĐ-STNMT thành lập Tổ xác minh đơn khiếu nại tranh chấp của ông Nguyễn Khắc K. Tổ xác minh đã tiến hành làm việc với các bên tranh chấp, UBND xã T và các cơ quan, đơn vị liên quan của UBND thành phố T, kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp và tiến hành tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp. ngày 09/5/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q có Báo cáo số 335/BC-STNMT về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại tranh chấp của ông Nguyễn Khắc K, theo đó có nội dung: không chấp nhận đơn của ông Nguyễn Khắc K tranh chấp diện tích đất 340,4m^2 với ông Trần Chánh H1 cùng trú tại thôn H, xã T, thành phố T. Ngày 05/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2821/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận đơn tranh chấp của ông Nguyễn Khắc K. Yêu cầu của ông Nguyễn Khắc K là không có cơ sở xem xét, giải quyết với lý do: từ trước đến nay, gia đình ông K không kê khai đăng ký, không quản lý sử dụng. Phần diện tích đất này từ năm 1978 do ông Trần Chánh C1 sử dụng trồng cây dương liễu, đến khoảng năm 1984 ông Trần Chánh C1 bán lại cây dương liễu cho ông Trần Chánh H1 quản lý sử dụng đến năm 1998 khu thực hiện kê khai, đăng ký theo Nghị định số 64/CP (được Sở Địa chính nay là Sở T, duyệt ngày 01/4/1998): diện tích đất mà ông Nguyễn Khắc K đang tranh chấp với ông Trần Chánh H1 thuộc một phần diện tích của thửa đất số 198, tờ bản đô số 11, diện tích 26.004m^2, loại đất RTS, chủ sử dụng đất: đất công ích, do UBND xã T. Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 159/2024/HC-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 116; Luật Tố tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc K đề nghị hủy Quyết định số số 6482/QĐ-UBND và 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành

phố T và các Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Khắc K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Khắc K phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 4.638.000 đồng. Ông K đã nộp xong.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2024, ông Nguyễn Khắc K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Khắc K giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông K và bà C, chị V, anh V1 đều cùng ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Về các ngôi mộ nằm trên đất, đều xác nhận 3 ngôi mộ của gia đình nằm chung trong khuôn viên ở hướng T (gần thừa 195), còn 2 ngôi mộ ở hướng Nam (giáp thửa 201 tranh chấp với ông H1) không phải chôn người thân của gia đình.

Luật sư Nguyễn S trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông K, sau khi phân tích về nguồn gốc và quá trình sử dụng quản lý đất cũng như điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông K, quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q trình bày quan điểm: Thực tế cha mẹ ông K đã từng ở đây, nhưng từ 1971 đã không còn nhà, không ở nữa và sổ sách địa chính thể hiện đất rừng, do UBND xã quản lý. Gia đình có 1 khu mộ chôn 3 người, còn 2 mộ của gia đình khác, đất mộ trong sơ đồ UBND huyện cũng xác định là loại đất nghĩa địa (NTD), trừ đi không tính trong diện tích đất tranh chấp và gia đình vẫn được chăm sóc mộ và gia đình vẫn tiếp tục được sử dụng, sau này có quy hoạch hoặc được xem xét giao lại đất cho người dân thì vẫn giải quyết bảo đảm quyền lợi cho gia đình. Cây trồng trên đất của ông H1 (đã được bản án dân sự giải quyết xác định của ông H1), đất tranh chấp với ông L thì tại biên bản ngày 24/5/2017, ông K thừa nhận cây của ông L trồng trên đất của ông K; sau này, ngày 22/01/2019, Sở phối hợp với UBND xã xem xét hiện trạng thì xã cũng xác định cây lâu năm trên đất là ông Q, ông L trồng. Chủ tịch UBND tỉnh đã thụ lý giải quyết, đã xem xét đầy đủ đúng quy định và ban hành 2 Quyết định giải quyết khiếu nại đều đúng quy định và có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án, sau khi phân tích về nội dung và quy định của pháp luật, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc K là đúng. Ông K kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241

Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.
Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khắc K đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Điều 204 Luật đất đai 2013.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc K:

[2.1] Đối với Quyết định số 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q:

Ông Trần Chánh H1 và ông Nguyễn Khắc K tranh chấp phần thửa đất số 201, tờ bản đồ số 12, diện tích 340,4m^2 thuộc xã T theo mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018. Tranh chấp đất đai đã được UBND xã T đã tổ chức hòa giải ngày 21/6/2017 nhưng không thành.

- Về nội dung giải quyết tranh chấp:

Về nguồn gốc đất: Tại Công văn số 07/BC-UBND ngày 19/3/2018 của UBND xã T xác nhận nguồn gốc thuộc một phần trong diện tích đất trước năm 1970 có nhà ở của mẹ ông Nguyễn Khắc K (ông K ở chung), do chiến tranh mẹ ông Nguyễn Khắc K chết (cha cũng đã hy sinh) nên vào khoảng năm 1971, ông Nguyễn Khắc K đi nơi khác xây dựng nhà (cuối thôn H - giáp thôn H) nên không còn quản lý sử dụng. Do đất trống nên ông Trần Chánh C1 trồng cây từ năm 1978 sử dụng và thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Trần Chánh H1 tiếp tục sử dụng đến nay. Đối chiếu hồ sơ 64/CP thì vị trí 2 thửa đất này là một phần thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004,0m^2, loại đất RTS, đất công ích. UBND xã T không có hợp đồng cho thuê đối với thửa đất này.

Về việc kê khai đăng ký:

- Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg: trên địa bàn xã T gồm 05 tờ bản đồ, đo đạc theo tỷ lệ 1/2000, không thể hiện ngày tháng năm đo, không có ý kiến xét duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Sổ Mục kê, Sổ Đăng ký ruộng đất không có nên không xác định được vị trí đất tranh chấp.
- Theo hồ sơ 64/CP của Chính phủ thể hiện: vị trí đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2 loại đất RTS. Tại trang số 24 quyển Sổ địa chính số 13 được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2 loại đất RTS, chủ sử dụng: đất công ích. Tại trang số 104 Sổ Mục kê được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì thửa 198, tờ 11, diện tích 26.004m^2 do UBND xã đứng tên chủ sử dụng.
- Về hiện trạng sử dụng đất đang tranh chấp:

Ngày 22/01/2019, Sở T phối hợp với UBND thành phố T và UBND xã T kiểm tra hiện trạng khu vực đất tranh chấp thể hiện:

+ Phần ông K, ông H1 đang tranh chấp phía Đông giáp với đất do UBND xã T; ranh giới bằng hàng cây dứa, phía Tây và phía Nam giáp với đất do UBND xã quản lý (nhưng ông K đang tranh chấp với bà T3) không thể hiện ranh giới, phía Bắc giáp với đường đi từ trong xóm ra biển. Trên diện tích đất tranh chấp có khoảng 50 cây Dương Liễu, ông Trần Chánh H1 trình bày là do ông H1 trồng; ông Nguyễn Khắc K trình bày trong tổng số 50 cây thì ông K trồng 38 cây và 04 cây ông K đã bán cho bà N2.

Quá trình UBND các cấp giải quyết tranh chấp đất đai, ông Nguyễn Khắc K, ông Trần Chánh H1, không ai cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất đối với diện tích tranh chấp, không kê khai đăng ký đất đai qua các thời kỳ và đều không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ông Trần Chánh H1 thừa nhận vào năm 1984, ông trồng cây theo chương trình trồng cây chắn gió chắn cát ven biển do UBND xã T phát động, cây giống do ông C1, ông Q, ông N1 cung cấp không phải trả tiền.

Căn cứ quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết tranh chấp đất đai và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6482/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông H1 và ông K, xác định diện tích tranh chấp hồ sơ địa chính được duyệt ngày 01/4/1998 là đất công ích, từ đó không công nhận diện tích tranh chấp tại thửa 201 là của ông K hay của ông H1, là có căn cứ. Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần 2 số 2821/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự thủ tục và nội dung không chấp nhận các khiếu nại của ông K, là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Khắc K kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Q:

Ông Võ Tấn L và ông Nguyễn Khắc K tranh chấp quyền sử dụng đất 1.670,1m^2 đất thuộc thửa đất 196, tờ bản đồ số 12, thuộc xã T theo Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 63-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đ lập tháng 5/2018. Ngày 24/5/2017, UBND xã T đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Võ Tấn L và ông Nguyễn Khắc K nhưng do việc hòa giải không thành.

- *Về nguồn gốc đất tranh chấp:*

Theo hồ sơ 64/CP, hồ sơ Cơ sở dữ liệu liên quan đến vị trí đất tranh chấp, cụ thể: Vị trí đất tranh chấp giữa ông Võ Tấn L và Nguyễn Khắc K là một phần thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2

Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 24/5/2018 của UBND xã T có nội dung: nguyên thửa đất này trước năm 1970 có nhà ở của mẹ ông Nguyễn Khắc K (ông K ở chung nhà với mẹ). Do chiến tranh mẹ ông Nguyễn Khắc K chết tại đây (cha cũng đã hy sinh); mẹ ông Nguyễn Khắc K đã chết nên vào khoảng năm 1971 hộ ông Nguyễn Khắc K đến xây dựng nhà ở tại vị trí khác cuối thôn H (giáp thôn

H). Do ở nơi khác nên từ năm 1971 hộ ông Nguyễn Khắc K không còn quản lý sử dụng thửa đất này (vì trước năm 1971 các thửa đất 196, 200, 201, 203, 211 tờ bản đồ số 12 chung trong 1 thửa có nhà ở của mẹ ông Nguyễn Khắc K). Đất trống nên ông Võ Q (cha ông Võ Tấn L) trồng cây từ năm 1978 sử dụng và khi chết để lại cho ông Võ Tấn L tiếp tục sử dụng đến nay. Đối chiếu hồ sơ 64/CP là một phần thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004,0m^2, loại đất RTS, đất công ích, UBND xã T không có hợp đồng cho thuê đối với thửa đất này. (BL14).

- *Về hồ sơ kê khai đăng ký thửa đất đang tranh chấp;*

+ Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg: trên địa bàn xã T gồm 05 tờ bản đồ, đo đạc theo tỷ lệ 1/2000, không thể hiện ngày tháng năm đo, không có ý kiến xét duyệt của cơ quan có thẩm quyền; Sổ Mục kê, Sổ Đăng ký ruộng đất không có, vì vậy không thể xác định được vị trí đất đang tranh chấp.

+ Theo hồ sơ 64/CP của Chính phủ thể hiện: vị trí đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2 loại đất RTS. Tại trang số 24 quyển Sổ địa chính số 13 được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 11, diện tích 26.004m^2 loại đất RTS, chủ sử dụng đất: đất công ích. Tại trang số 104 Sổ Mục kê được Sở Địa chính duyệt ngày 01/4/1998 thì thửa 198, tờ 11, diện tích 26.004m^2 do UBND xã đứng tên chủ sử dụng. Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 63-2018 thửa đất 198, tờ 11, diện tích 26.004m^2 do UBND xã đứng tên chủ sử dụng.

- *Hiện trạng sử dụng đất đang tranh chấp:*

Ngày 22/01/2019, Sở T phối hợp với UBND thành phố T và UBND xã T kiểm tra hiện trạng khu vực đất tranh chấp thể hiện: phía Đông, phía Tây và phía Nam giáp với đất do UBND xã T; phía Bắc giáp với đường mòn ra biển.

Trên diện tích đất tranh chấp có khoảng 250 cây lâu năm (20 cây keo, 230 cây dương liễu) ông Nguyễn Khắc K cho rằng ông trồng 4 cây trong tổng số 250 cây; ông Võ Tấn L thì cho rằng toàn bộ 250 cây là ông Võ Tấn L trồng. Theo xác nhận của UBND xã T thì số cây dương liễu và cây keo này của ông Võ Quyện T4 từ năm 1978 và đến khi ông Q chết thì để lại cho ông L sử dụng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2017 của UBND xã T giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Khắc K và ông Võ Tấn L thì ông K cũng khẳng định cây là ông L trồng, còn đất là của ông K; ông Võ Tấn L thừa nhận đất là do UBND xã T. Ông Nguyễn Khắc K và ông Võ Tấn L đều không cung cấp được giấy tờ gì về quyền sử dụng đất đối với 1.670,1m^2 đất đang tranh chấp, đều không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Như vậy, không có cơ sở công nhận thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông Võ Tấn L, hay ông Nguyễn Khắc K.

Về việc trên đất còn có 03 ngôi mộ (ông nội, mẹ và mộ anh trai ông K): tại phiên toà phúc thẩm gia đình ông K xác nhận còn có 2 mộ của gia đình khác; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Q xác nhận các khu vực có mộ được xác định là đất nghĩa địa và gia đình vẫn tiếp tục được sử

dụng, sau này có quy hoạch hoặc được xem xét giao lại đất cho người dân thì vẫn giải quyết bảo đảm quyền lợi cho gia đình.

Căn cứ quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết tranh chấp đất đai và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6483/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông L và ông K, xác định diện tích tranh chấp là đất công ích, từ đó không công nhận diện tích tranh chấp là của ông K hay của ông L, là có căn cứ. Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần 2 số 2821/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự thủ tục và nội dung không chấp nhận các khiếu nại của ông K, là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Khắc K kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ông Nguyễn Khắc K thuộc đối tượng được miễn và đã có đơn xin miễn nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Khắc K và giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 159/2024/HC-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Khắc K

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương